

Bản án số:40/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 6 – 2025

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Hải Trung

2. Bà Đặng Thị Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Trần Kiến Toàn– Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2025/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2025 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 10/6/2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Liu K -Yi, sinh năm 1991; địa chỉ: Số B đường P, khóm A, phường D, quận Đ, Thành phố Đ, Đài Loan. (Vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Ngô Thị C, sinh năm 1998; địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2024, nguyên đơn anh L,K -Yi trình bày như sau:

Thông qua quen biết sau thời gian tìm hiểu anh L, K –Y và chị Ngô Thị C tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 93, ngày 27/11/2023 tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm thường xuyên xung đột và ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay.

Nay anh L, K –Y yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ hôn nhân giữa anh L, K -Yi với chị Ngô Thị C là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại Điều 126 của Luật hôn nhân và gia đình của Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với đương sự là người nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam.

Nguyên đơn anh L, K - Yi có đơn xin vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Ngô Thị C được Tòa án đã tiến tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và Quyết định đưa vụ án ra xét xử về việc anh L, K -Yi khởi kiện ly hôn với chị Ngô Thị C. Nhưng chị Ngô Thị C không có ý kiến và đến ngày xét xử vẫn không có mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Ngô Thị C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Anh L, K –Y và chị Ngô Thị C có đăng ký kết hôn vào ngày 27/11/2023 tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh C1, T –Y quốc tịch Trung Quốc và chị Ngô Thị C là công dân Việt Nam là quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tại điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 của N1 quy định việc ly hôn mà nguyên đơn hoặc bị đơn là công dân Việt Nam thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì việc ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam giải quyết.

Theo anh L, K -Y trình bày: Anh L, K – Y và chị Ngô Thị C quen biết trước rồi tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau thời gian chung sống giữa anh L, K -Y và chị Ngô Thị C thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, lối sống khác biệt và ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay.

Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh L, K –Y và chị Ngô Thị C xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh L, K –Yi khởi kiện xin ly hôn chị Ngô Thị C không có văn bản trình bày ý kiến. Xét thấy trong thời gian dài anh L, K –Y và

chị Ngô Thị C không còn liên lạc với nhau, điều này thể hiện không còn chăm sóc lẫn nhau, không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa hai người chỉ tồn tại trên hình thức, thực chất tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy có căn cứ để xác định anh L, K –Y và chị Ngô Thị C đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm

cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, việc anh L, K –Yi yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị C là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh L, K –Yi trình bày không có và không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí : Anh L, K –Yi phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm được quy định tại khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 25 Điều 3, Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Liu K - Y
 - Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Liu K -Y được ly hôn với chị Ngô Thị C.
 - Về con chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.
 - Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2. Án phí : Anh Liu K – Yi chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số N⁰ 0015215 ngày 08/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Anh Liu K – Y đã nộp đủ.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- CQTHADSTVL: 01;
- Đ/s: 02;
- UBND H. TB: 01;
- Lưu văn phòng: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thị Tư